

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Nhà máy Johnson Health Tech Industry (Thuận Thành 2)”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Johnson Health Tech Industry (Thuận Thành 2) tại Văn bản số 07/JOHNSON ngày 07/7/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy Johnson Health Tech Industry (Thuận Thành 2)” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Johnson Health Tech Industry (Thuận Thành 2) (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại Lô CN2-2, KCN Thuận Thành I, phường Ninh Xá và phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 139/QĐ-NNMT ngày 24/7/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ dự án “Nhà máy Johnson Health Tech Industry (Thuận Thành 2)”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Tổng Công ty Viglacera - CTCP; Công ty TNHH Johnson Health Tech Industry (Thuận Thành 2) và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Lưu: VT, KTN Tân.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án “Nhà máy Johnson Health Tech Industry (Thuận Thành 2)”
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án “Nhà máy Johnson Health Tech Industry (Thuận Thành 2)”.
- Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN2-2, KCN Thuận Thành I, phường Ninh Xá và phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Johnson Health Tech Industry (Thuận Thành 2).

1.2. Quy mô, công suất:

- Quy mô dự án: Dự án được triển khai trên khu đất có diện tích 52.455 m².
- Công suất của dự án:

TT	Loại sản phẩm	Quy mô dự án (sản phẩm/năm)	
		Giai đoạn 1 (từ năm 2025 đến năm 2028)	Giai đoạn ổn định (Từ năm 2028)
1	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao		
-	Con lăn	5.000	400.000
-	Ván chạy	15.000	400.000
-	Băng chạy	15.000	400.000
-	Các linh kiện, bộ phận phụ tùng cho thiết bị thể dục thể thao khác	66.500	900.000
2	Sản xuất mô tơ	25.000	800.000
3	Sản xuất bảng điều khiển cảm ứng, bo mạch điều khiển thiết bị thể dục thể thao.	44.000	880.000
4	Sản xuất khuôn mẫu	800	1.600

1.3. Công nghệ sản xuất

- *Quy trình sản xuất con lăn:* Nhập nguyên liệu → Cắt → Gia công CNC → Loại bỏ bavaria → Lắp ráp → Cân bằng động → Nhúng dầu chống rỉ → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho, xuất hàng.

- *Quy trình sản xuất ván chạy:* Nhập nguyên liệu → Cắt → Khoan lỗ → Bôi sáp → Quét sơn chống ẩm → Kiểm tra ngoại quan → Đóng gói → Lưu kho, xuất hàng.

- *Quy trình sản xuất băng chạy:* Nhập nguyên liệu → Kiểm tra → Cắt → Hàn cao tần → In → Bôi sáp → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho, xuất hàng.

- *Quy trình sản xuất mô tơ nâng hạ*: Nhập nguyên liệu → Gia công stator (Quấn dây, đưa giấy cách điện, định hình stator → Quấn dây, buộc định hình lần 1, 2 → Hàn cố định → Kiểm tra stator → Nhúng véc ni → Đưa cuộn dây vào xi lanh → Lắp ráp hoàn thiện stator) + Gia công rotor (Ép trục thép vào tấm silicon → Tiện thô trục → Quét dầu chống rỉ → Hiệu chỉnh cân bằng → Lắp ráp rotor hoàn thiện) + Gia công ghế, vỏ hộp → Lắp ráp hoàn thiện mô tơ → Kiểm tra, đóng gói, xuất hàng.

- *Quy trình sản xuất mô tơ một chiều*: Nhập nguyên liệu → Gia công stator (Lắp trục và tấm thép, lắp giấy cách điện → Cuộn dây → Ép cố định dây, định tuyến → Hàn nhiệt bộ chỉnh lưu → Kiểm tra → Nhỏ véc ni → Hoàn thiện bộ chuyển mạch → Cân bằng động chỉnh lưu → Ép vòng bi) + Gia công lõi từ (Dán nam châm vào con lăn → Nạp từ tính → Gắn điện trở nhỏ nắp phía sau) → Lắp ráp hoàn thiện động cơ mô tơ → Dung hòa động cơ → Kiểm tra → Đóng gói, xuất hàng.

- *Quy trình sản xuất mô tơ máy phát điện từ*: Nhập nguyên liệu → Gia công stator (Cắm giấy cách điện → Quấn dây → Nêm rãnh → Nối dây, buộc dây → Hàn dây stator → Kiểm tra → Nhúng dầu → Đưa cuộn dây vào xi lanh → Lắp ráp hoàn thiện stator) + Gia công bánh đà (Gắn giấy cách điện đáy bánh đà → Lắp ráp nam châm vào bánh đà → Lắp ráp ổ trục bánh đà) → Lắp ráp hoàn thiện động cơ mô tơ, cân bằng động → Kiểm tra, đóng gói, xuất hàng.

- *Quy trình sản xuất bảng điều khiển cảm ứng, bo mạch điều khiển thiết bị thể dục thể thao*: Nguyên liệu (bảng mạch PCB) → In kem hàn → Kiểm tra SPI → Dán bề mặt (gắn linh kiện SMT) → Hàn hồi lưu → Kiểm tra → Gắn linh kiện vào bảng mạch PCB → Hàn thủ công → Kiểm tra → Lắp ráp → Phủ sơn cách điện → Kiểm tra → Đóng gói → Lưu kho, xuất hàng.

- *Quy trình sản xuất khuôn mẫu*: Thiết kế khuôn → Gia công thô → Gia công CNC → Gia công xung, cắt dây → Đánh bóng → Kiểm tra chi tiết → Lắp ráp hoàn thiện → Kiểm tra, thử nghiệm → Lưu kho, xuất hàng.

- *Quy trình sản xuất các linh kiện nhựa*: Thiết kế khuôn → Gia công thô → Gia công CNC → Gia công xung, cắt dây → Đánh bóng → Kiểm tra chi tiết → Lắp ráp hoàn thiện → Kiểm tra, thử nghiệm → Lưu kho, xuất hàng.

- *Quy trình sản xuất linh kiện kim loại bằng máy tiện, máy dập*: Nhập nguyên liệu → Cắt/dập → Tiện, khoan, mài → Gia công ren → Phun cát → Phun sơn → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho, xuất hàng.

1.4. Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Lô CN2-2, KCN Thuận Thành I, phường Ninh Xá và phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh với diện tích là 52.455 m².

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án:

- Các hạng mục công trình chính: Gồm 03 nhà xưởng, trong đó:

+ Nhà xưởng số 01: Diện tích xây dựng 3.987,4 m², gồm 03 tầng được xây

dựng ở giai đoạn 1 với tổng diện tích sàn 9.612,2 m² và tầng 4 được xây dựng ở giai đoạn 2 với diện tích sàn 3.215,4 m²;

+ Nhà xưởng số 02: Diện tích xây dựng 12.805 m², gồm 02 tầng được xây dựng ở giai đoạn 1 với tổng diện tích sàn 25.704,48 m² và tầng 3 được xây dựng ở giai đoạn 2 với diện tích sàn 12.600 m²;

+ Nhà xưởng số 03: Diện tích xây dựng 12.600 m², gồm 03 tầng được xây dựng ở giai đoạn 2 với diện tích sàn 38.099,48 m²;

- Các hạng mục công trình phụ trợ:

+ Giai đoạn 1: Nhà ăn diện tích 800 m², nhà xe ô tô diện tích 90 m², nhà xe máy + trạm bơm + bể nước ngầm diện tích 800m², trạm LPG diện tích 84 m², kho hóa chất diện tích 60 m², trạm cân diện tích 36 m³, cầu nối 1 diện tích 130 m², mái nối diện tích 130 m², cổng và nhà bảo vệ 1 diện tích 48,4 m², cổng và nhà bảo vệ 2 diện tích 24 m².

+ Giai đoạn 2: Cầu nối 2 diện tích 130 m², cầu nối 3 diện tích 130 m².

- Các hạng mục công trình môi trường:

+ 01 khu nhà lưu chứa chất thải diện tích 444 m²; được xây dựng ở giai đoạn 1 và được phân thành 03 ngăn riêng biệt, gồm: Khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 20 m², khu lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 240 m² và khu lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 184 m².

+ 01 hệ thống xử lý HTXL nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm được xây dựng ở giai đoạn 1.

+ 04 hệ thống xử lý khí thải (HTXL) được xây dựng ở giai đoạn 1, gồm: 01 HTXL khí thải số 01 tại nhà xưởng số 01 công suất 56.000 m³/h; 01 HTXL khí thải số 02 tại nhà xưởng số 01 công suất 28.000 m³/h; 01 HTXL khí thải số 03 tại nhà xưởng số 02 công suất 6.000 m³/h; 01 HTXL khí thải số 04 tại nhà xưởng số 02 công suất 38.000 m³/h.

1.4.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

- Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động chính thức.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Dự án có thực hiện hoạt động sản xuất thiết bị điện tử và sản xuất thiết bị điện (có công đoạn: phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất), thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại Phụ lục II (STT 17, cột 4) ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án thực hiện tại: Lô CN2-2, KCN Thuận Thành I, phường Ninh Xá và phường Trại Lộ¹, tỉnh Bắc Ninh.

Do đó, dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động vận chuyển nguyên nhiên vật liệu xây dựng; hoạt động thi công xây dựng; bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, phương tiện: bụi và khí thải của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công có chứa thành phần ô nhiễm như SO₂, NO_x, CO, CO₂, bụi, nước thải thi công, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công; dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công, xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Tác động của nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt.

+ Nước thải sản xuất.

- Tác động của bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực hàn.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực nhỏ véc ni.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực sử dụng keo.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực phủ sơn.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực máy ép nhựa.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực phun sơn.

+ Bụi phát sinh từ khu vực phun cát.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực gia công CNC.

+ Bụi từ quá trình gia công (cắt, khoan) kim loại, gỗ.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vệ sinh làm sạch bằng hóa chất.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sử dụng LPG.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

¹ Là phường thuộc đô thị loại IV

+ Khí thải, mùi phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải, khu lưu giữ chất thải.

- Tác động của chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Tác động của CTNH.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải

a) Giai đoạn thi công:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng $1,8 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải xây dựng: Từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị thi công khoảng $0,4 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

b) Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng $30,2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ở giai đoạn 1 và khoảng $60,4 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ở giai đoạn hoạt động ổn định.

+ Nước thải sản xuất:

+) Nước thải phát sinh từ quá trình gia công CNC: Được sử dụng tuần hoàn, định kỳ thải bỏ, lượng thải bỏ khoảng $1,2 \text{ m}^3/\text{năm}$ ở giai đoạn 1 và khoảng $29,6 \text{ m}^3/\text{năm}$ ở giai đoạn hoạt động ổn định.

+) Nước thải phát sinh từ máy nén khí: Phát sinh khoảng $0,03 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ở giai đoạn 1 và khoảng $0,06 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ở giai đoạn hoạt động ổn định.

+) Nước của tháp làm mát: $3,0 \text{ m}^3/\text{lần}/06 \text{ tháng}$ ở giai đoạn 1 và $3,0 \text{ m}^3/\text{lần}/03 \text{ tháng}$ ở giai đoạn hoạt động ổn định (nước thải phát sinh từ quá trình xả cặn đáy tháp làm mát).

3.1.2. Bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động san nền, hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị. Thông số ô nhiễm: Bụi, SO_2 , NO_x , CO, tổng các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC).

b) Giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải số 01 tại nhà xưởng số 01 với lưu lượng $56.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải số 02 tại nhà xưởng số 01 với lưu lượng $28.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải số 03 tại nhà xưởng số 02 với lưu lượng 6.000 m³/giờ.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải số 04 tại nhà xưởng số 02 với lưu lượng 38.000 m³/giờ.

3.2. Chất thải rắn, CTNH:

3.2.1. Chất thải rắn thông thường.

a) Giai đoạn thi công:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ lực lượng công nhân xây dựng khoảng 2,7 tấn/mỗi giai đoạn thi công. Ngoài ra ở giai đoạn thi công 2 còn phát sinh lượng chất thải sinh hoạt từ lực lượng lao động sản xuất của nhà máy giai đoạn 1 khoảng 201 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh khoảng 114 tấn/quá trình thi công xây dựng ở giai đoạn 1 và khoảng 150 tấn/quá trình thi công xây dựng ở giai đoạn 2; bao gồm: sắt, thép, gạch, vữa, vỏ xi măng.

b) Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 201 kg/ngày ở giai đoạn 1 và khoảng 402 kg/ngày ở giai đoạn vận hành ổn định. Ngoài ra còn có lượng bùn thải phát sinh khoảng 30,4 tấn/6 tháng/lần ở giai đoạn 1 và khoảng 60,8 tấn/6 tháng/lần ở giai đoạn vận hành ổn định.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khoảng 354,8 tấn/năm ở giai đoạn 1 và khoảng 7.291,4 tấn/năm ở giai đoạn vận hành ổn định, bao gồm: Bao bì đựng nguyên vật liệu thải bỏ, bao bì đóng gói nguyên liệu thải bỏ, nhựa thải, vụn kim loại, chi tiết kim loại không dính dầu thải bỏ,....

3.2.2. Chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn thi công: Phát sinh khoảng 494 kg/quá trình thi công giai đoạn 1 và khoảng 390 kg/quá trình thi công giai đoạn 2. Bao gồm: Găng tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại; đầu mẫu que hàn thải; vỏ thùng sơn thải; cặn sơn thải; bóng đèn huỳnh quang thải.

b) Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 24.907 kg/năm ở giai đoạn 1 và khoảng 485.332 kg/năm. Thành phần bao gồm: Các bộ phận, linh kiện điện tử lỗi hỏng; pin, ắc quy thải; găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại; dầu thủy lực tổng hợp thải; bao bì cứng bằng kim loại thải; bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH; bao bì mềm nhiễm TPNH; than hoạt tính thải; cặn sơn, sơn thải; cặn keo thải; phoi sắt, vụn sắt, dính dầu; nước thải có lẫn dầu từ quá trình CNC; bụi thu hồi từ quá trình xử lý khí thải (bụi sơn, bụi cát).

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn thi công: Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công (máy xúc, xe trộn bê tông, xe ủi,...),...

b) Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án và hoạt động của máy móc phục vụ sản xuất.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải.

a) Giai đoạn thi công:

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 03 nhà vệ sinh di động trong công trường thi công và 03 bể tự hoại loại composite đặt tạm thời dung tích 10m^3 /bể để thu gom nước thải sinh hoạt. Định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực đến hút đưa đi xử lý theo quy định, không thải ra hệ thống thu gom chung của KCN Thuận Thành I.

- Nước thải xây dựng: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa máy móc, thiết bị thi công được thu gom, lưu chứa tại các thùng phuy (dung tích 200 lít/thùng) để sử dụng cho hoạt động thi công, xây dựng.

b) Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

+ Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh ở nhà xưởng giai đoạn 1 được xử lý sơ bộ qua 05 bể tự hoại có tổng dung tích 52 m^3 (gồm 02 bể có dung tích 03 m^3 /bể, 02 bể có dung tích 12 m^3 /bể, và 01 bể có dung tích 24 m^3); Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh ở nhà xưởng giai đoạn 2 được xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại có dung tích 12m^3 /bể; Nước thải sau đó được dẫn ra HTXL nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý đáp ứng yêu cầu đầu vào của HTXL nước thải tập trung của KCN Thuận Thành I.

+ Nước thải phát sinh từ nhà ăn ở khu vực nhà xưởng giai đoạn 1 được xử lý sơ bộ tại 01 bể tách mỡ dung tích 24 m^3 , sau đó được dẫn ra hệ thống thu gom nước thải và dẫn về HTXL nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý đáp ứng yêu cầu đầu vào của HTXL nước thải tập trung của KCN Thuận Thành I.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình gia công CNC và từ máy nén khí được thu gom, quản lý theo chất thải nguy hại;

+ Nước làm mát thải định kỳ từ quá trình vệ sinh tháp giải nhiệt được bơm ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý đáp ứng yêu cầu đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Thuận Thành I.

+ Xây dựng 01 HTXL tập trung công suất 80 m^3 /ngày đêm, công nghệ xử lý bằng phương pháp sinh học.

Quy trình công nghệ: Nước thải (đã được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ/bể tự hoại) → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý (Đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Thuận Thành I).

Điểm đầu nối nước thải: Hồ ga đầu nối của hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Thuận Thành I.

Tiêu chuẩn xả thải: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Thuận Thành I.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công:

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị được phủ kín thùng xe, không chở quá trọng tải quy định để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Chỉ sử dụng các phương tiện đã đăng kiểm đạt tiêu chuẩn.

b) Giai đoạn vận hành:

Công ty sẽ tiến hành xây dựng 04 hệ thống xử lý khí thải ở giai đoạn 1, trong đó:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01 tại nhà xưởng số 01 công suất 56.000 m³/giờ.

Quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí thải ra môi trường.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Hệ thống xử lý khí thải số 02 tại nhà xưởng số 01 công suất 28.000 m³/giờ.

Quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí thải ra môi trường.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Hệ thống xử lý khí thải số 03 tại nhà xưởng số 02 công suất 6.000 m³/giờ.

Quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị lọc bụi cyclone → Thiết bị hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → Quạt → Ống thoát khí thải ra môi trường.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Hệ thống xử lý khí thải số 04 tại nhà xưởng số 04 công suất 38.000 m³/giờ.

Quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → → Thiết bị hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí thải ra môi trường.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

a) Giai đoạn thi công:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom vào các thùng rác dung tích từ 10 – 120 lít/thùng, có nắp đậy đặt tại khu lán trại điều hành và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất chuyển giao dự kiến khoảng 1 ngày/lần.

- Chất thải rắn xây dựng được tiến hành thu gom và phân loại tại nguồn, sau đó tập trung về khu vực tập kết có diện tích khoảng 30 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho có diện tích 20 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất chuyển giao dự kiến khoảng 1 ngày/lần.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho có sẵn diện tích 220 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất chuyển giao dự kiến khoảng 02 lần/tháng.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

a) Giai đoạn thi công: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho có diện tích 5 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất chuyển giao dự kiến khoảng 3 – 6 tháng/lần.

b) Giai đoạn vận hành: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ tại khu vực lưu giữ có diện tích 184 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất chuyển giao dự kiến khoảng 02 lần/tháng.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn thi công:

- Không sử dụng máy móc, phương tiện vận chuyển có mức ồn >70 dBA hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn >70 dBA vào ban đêm (từ 21 ÷ 6h) gần các đối tượng nhạy cảm.

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

- Trang bị cho công nhân các phương tiện bảo hộ lao động (mũ bảo hiểm, chũp tai,...) ở vị trí có tiếng ồn lớn để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

b) Giai đoạn vận hành:

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị, máy móc, cải tiến quy trình công nghệ theo hướng giảm tiếng ồn.

- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật (lắp đặt đệm đàn hồi, gói đàn hồi cao su) cho các máy móc, dây chuyền phát sinh tiếng ồn.

- Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa không khí tại các khu vực phát sinh nhiệt dư.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị chống ồn cho công nhân vận hành; thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc sản xuất.

Yêu cầu về BVMT: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ CTRSH, CTRTT, CTNH theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Vận hành công trình xử lý nước thải, khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Thuận Thành I.

- Thực hiện các chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho cơ quan chức năng theo quy định.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm (giai đoạn 1)

a) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: Nước thải đầu (bể thu gom) và nước thải đầu ra (tại hố ga cuối cùng của nhà máy trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung

của KCN Thuận Thành I) của hệ thống xử lý nước thải tập trung 80 m³/ngày đêm của nhà máy.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅, NH₄⁺, T-N, T-P, dầu mỡ khoáng, coliform.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c, khoản 8 Điều 1 Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

- Tiêu chuẩn so sánh: Theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Thuận Thành I.

b) Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 04 ống thoát khí của 04 hệ thống xử lý khí thải của nhà máy.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng, CO, NO_x, SO₂, Toluen, Xylen, Styren, Benzen, Naphtalen, Propylen Oxyt, 1,3 butadien, Vinyl clorua, Acrolein (Thông số giám sát được quan trắc theo các thông số đặc trưng của từng ống thoát khí).

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c, khoản 8 Điều 1 Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra);

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C.

5.2.2. Giai đoạn vận hành chính thức (giai đoạn hoạt động tổng thể)

a) Giám sát nước thải

Dự án nằm trong KCN và thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, nước thải của KCN, có lưu lượng nước thải 80m³/ngày đêm <200 m³/ngày đêm, do đó không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ nước thải theo quy định theo khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung bởi khoản 47 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP và Phụ lục XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

b) Giám sát khí thải

Dự án thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP nhưng không có thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá; Do vậy, không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục và định kỳ khí thải công nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 98 và Phụ lục XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Thực hiện chương trình giám sát định kỳ.

c) Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Thuận Thành I; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Định kỳ hằng năm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo) gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những

thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 185/TTr-SNNMT ngày 11/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.